

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi.

Ông Nguyễn Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lăng Văn N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bị đơn: Chị Hà Thị X, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 20 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lăng Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị X được tự do tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Ngày 07-7-2015, anh và chị X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng bình thường. Đến

năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự đồng cảm, không quan tâm lẫn nhau. Từ năm 2020, chị X đã bỏ về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn P, xã H, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh và chị X đã không sống chung với nhau, không có quan hệ tình cảm, không có sự quan tâm đến nhau, mặc cho ai sống ra sao thì sống. Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị X. Do đó, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị X.

Về con chung: Anh và chị Hà Thị X có 01 con chung là cháu Lăng Quỳnh N, sinh ngày 03-12-2014, hiện con đang ở cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị X phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho vay chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh xác định chị Hà Thị X có nơi cư trú tại thôn P, xã H, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, tại thời điểm xác minh chị Hà Thị X không có mặt tại địa phương. Tại Thông báo số 26/2022/TB-TA ngày 26-7-2022 về việc triệu tập đương sự tham gia tố tụng (sau viết tắt là Thông báo số 26) của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã thông báo cho chị Hà Thị X về thời gian đến Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm. Tòa án đã tiến hành niêm yết, đăng tin Thông báo số 26 theo quy định. Do chị Hà Thị X không đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để làm việc như Thông báo số 26 nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định. Ngoài ra, khi liên lạc qua Zalo, chị X xác nhận đã nhận được đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác của Tòa án. Chị X xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N, chị đồng ý ly hôn với anh N. Chị và anh N có một người con chung như anh N trình bày, khi ly hôn chị đồng ý với ý kiến của anh N về con chung. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, cho vay chung, chị xác định không có.

Tại phiên tòa:

Anh Lăng Văn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Lăng Văn N và chị Hà Thị X đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đủ căn cứ giải quyết cho ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giải quyết cho anh Lăng Văn N được ly hôn với chị Hà Thị X. Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với nguyện vọng của con, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lăng Văn N được quyền nuôi con là cháu Lăng Quỳnh N đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung và cho vay chung: Không có, do vậy không đề nghị xem xét giải quyết. Nguyên đơn anh Lăng Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lăng Văn N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Hà Thị X cư trú tại huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định của các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn chị Hà Thị X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lăng Văn N và chị Hà Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, khi kết hôn đảm bảo các điều kiện về kết hôn và có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 07 tháng 7 năm 2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Lăng Văn N và chị Hà Thị X là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do quan hệ hôn nhân giữa anh Lăng Văn N và chị Hà Thị X là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Lăng Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, sau một thời gian chung sống thì anh Lăng Văn N và chị Hà Thị X phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh Lăng Văn N và chị Hà Thị X không còn sống chung với nhau, không có quan hệ tình cảm, không có sự quan tâm lẫn nhau, không liên lạc với nhau, ai sống ra sao thì sống. Anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị X, nên yêu cầu được ly hôn với chị X. Như vậy, giữa anh

Lăng Văn N và chị Hà Thị X đã không còn tình nghĩa vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Lăng Văn N và chị Hà Thị X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu được ly hôn với chị Hà Thị X của anh Lăng Văn N.

[5] Về con chung: Anh Lăng Văn N và chị Hà Thị X có 01 con chung là cháu Lăng Quỳnh N, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2014. Cháu N có nguyện vọng được ở với anh Lăng Văn N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử giao con chung cho anh Lăng Văn N trực tiếp nuôi.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung và cho vay nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung.

[7] Về án phí, lệ phí: Nguyên đơn anh Lăng Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 180, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của anh Lăng Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lăng Văn N được ly hôn chị Hà Thị X.

2. Về con chung: Anh Lăng Văn N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lăng Quỳnh N, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2014 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Hà Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lăng Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Lăng Văn N đã nộp đủ số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0001915 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về lệ phí: Anh Lăng Văn N phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Lăng Văn N đã nộp đủ số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- UBND X. H, H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp